TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2021/QĐST-HNGĐ	*Yên Lạc, ngày 12 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Duy Hưng

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Thúy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Yến – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 131/2021/TLST-VHNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2021/QĐST-VDS ngày 29 tháng 7 năm 2021 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

* Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984. Có mặt

2. Chị Nguyễn Thị Mai S, sinh năm 1986. Có mặt

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Kh; chức vụ: Chủ tịch. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và những lời khai tiếp theo bà Phạm Thị L trình bày:

Bà có con gái tên là Nguyễn Thị Mai S – Sinh ngày 14/12/1986, địa chỉ: Thôn M (nay là thôn B), xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, Chứng minh thư nhân dân số 135 201 688 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 10/02/2003.

Ngày 08/11/2003 chị S có đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn T - Sinh ngày 26/10/1984, địa chỉ: Thôn M (nay là thôn B), xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Ph. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị S có dùng Chứng minh thư nhân dân số 135 201 688 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 10/02/2003. Tại thời điểm đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn T, chị S mới được 16 tuổi 10 tháng 14 ngày. Do không hiểu biết nên thời điểm đó chị S không biết là mình chưa đủ tuổi đăng kí kết hôn, tuy nhiên UBND xã T vẫn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109, Quyển số 01 cho chị S và anh T.

Tháng 6 năm 2021, chị S đi làm lại giấy khai sinh thì mới phát hiện ngày sinh và tên họ đệm trong giấy đăng ký kết hôn bị sai. Và tại thời điểm đăng kí kết hôn chị S chưa đủ tuổi đăng kí theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình.

Bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Mai S do chị S tại thời điểm đăng ký kết hôn chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Mục đích của việc hủy kết hôn trái pháp luật là để chị S và anh T làm thủ tục đăng kí kết hôn lại theo đúng quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình..

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan anh T và chị S thống nhất trình bày:

Anh chị kết hôn với nhau ngày 08/11/2003 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị S dùng Chứng minh thư nhân dân số 135 201 688 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 10/02/2003, tuy nhiên trong giấy chứng nhận kết hôn lại ghi thông tin của chị là Nguyễn Thị S, sinh ngày 14/02/1986. Do không hiểu biết nên chị S cũng không để ý đến sự nhầm lẫn này.

Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến khi chị S đi làm lại giấy tờ mới được biết tại thời điểm đăng kí kết hôn chị S vẫn chưa đủ tuổi đắng kí kết hôn theo quy định, chị S và anh T đều đồng ý với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà L và đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T do người đại diện ông Nguyễn Văn Kh trình bày: Ngày 08/11/2003 Ủy ban nhân dân xã T đã đăng ký kết hôn cho anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Mai S), thời điểm đăng ký kết hôn do ông Nguyễn Văn Ng – cán bộ hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã T thực hiện. Do sơ xuất nên cán bộ hộ tịch đã ghi nhầm tên và tháng sinh của chị Nguyễn Thị Mai S, nay kiểm tra lại hồ sơ lưu tại Ủy ban nhân dân xã T được biết chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 14/02/1986 trong giấy chứng

nhận kết hôn có tên là Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 14/12/1986.

Đối chiếu với ngày tháng năm sinh hiện nay thì thời điểm kết hôn chị S mới được 16 tuổi 10 tháng 14 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nay bà Phạm Thị L là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Mai S có đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Mai S Ủy ban nhân dân xã T không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền L của các bên.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm:

Đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên họp căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 10, 11, 12, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Mai S. Công nhận anh T và chị S là vợ chồng kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2003.

Về lệ phí: Bà L không phải chịu lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có đơn yêu cầu là bà Phạm Thị L mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Mai S yêu cầu Tòa án tuyên bố hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị S vì thời điểm đăng ký kết hôn chị S chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Anh T, chị S có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Yên Lạc, cơ quan đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã T nên thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Phạm Thị L:

Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Mai S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 08/11/2003 nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu được thu thập trong hồ sơ như Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân của chị S, và các tài liệu khác xác định:

Chị Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1986, thời điểm anh T kết hôn với chị S vào ngày 08/11/2003, chị S mới được 16 tuổi, 10 tháng và 14 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy, cần hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị S.

[3] Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Mai S: Anh T và chị S xác định anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh T, chị S chung sống hòa thuận, hạnh phúc anh chị đều đồng ý với yêu cầu của bà L và đề nghị Tòa án công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị. Tính đến thời điểm hiện tại, anh T, chị S đã đủ tuổi kết hôn. Theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu của anh T và chị S, công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Mai S kể từ ngày 14/12/2003.

[4] Về lệ phí: Bà Phạm Thị L không phải chịu lệ phí yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tại phiên họp có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 10, 11, 12, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Phạm Thị L.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Mai S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2003 ngày 08/11/2003 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Mai S kể từ ngày 14/12/2003.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị L không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Người yêu cầu, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Duy Hưng